

Số: 59/KH-VNG

Ea Kar, ngày 24 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH

Về việc tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II năm học 2023-2024

Căn cứ Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông được ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/08/2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục Đào tạo về quy định đánh giá học sinh THCS, THPT;

Công văn số 3899/BGDĐT- GDTrH, ngày 03/8/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024;

Quyết định số 1516/QĐ-UBND, ngày 10/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 – 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Công văn số 1387/SGDDĐT-GDTrH-GDTX, ngày 25/8/2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2023-2024 của trường THPT Võ Nguyên Giáp;

Căn cứ vào Quyết định số 30/QĐ-THPT, ngày 05/9/2023 của Hiệu trưởng trường THPT Võ Nguyên Giáp về việc ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh năm học 2023 - 2024;

Trường THPT Võ Nguyên Giáp xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II, năm học 2023 - 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Thống nhất kiểm tra đánh giá cuối học kỳ II năm học 2023 - 2024 thực hiện theo hình thức làm bài kiểm tra trên giấy.

- Kiểm tra cuối kỳ đảm bảo tính công bằng, trung thực, khách quan trong việc đánh giá năng lực học tập của học sinh, đánh giá vì sự tiên bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Kiểm tra, đánh giá quá trình tổ chức dạy học và giáo dục của nhà trường, qua đó đánh giá đúng thực chất năng lực, trình độ của mỗi học sinh và hiệu quả giảng dạy của giáo viên.

II. NỘI DUNG

1. Môn kiểm tra

- Khối 10,11: Kiểm tra chung 4 môn học: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử.
- Khối 12: Kiểm tra chung 3 môn học: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.
- Các môn còn lại giáo viên chủ động ôn tập và kiểm tra theo thời khóa biểu vào tuần thứ 34.

- Đối với môn Ngữ văn kiểm tra đánh giá theo Công văn Số: 3175/BGDĐT-GDTrH, V/v hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

- Đối với môn Tiếng Anh tiếp tục triển khai đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, theo Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GDĐT và Công văn số 1775/SGDĐT-GDTrH ngày 12/12/2018 của Sở GDĐT.

2. Hình thức kiểm tra

- a. Môn Ngữ văn: cả 3 khối theo hình thức tự luận.
- b. Môn Toán
 - Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 70% điểm trắc nghiệm khách quan, 30% điểm tự luận.
 - Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.
- c. Môn Vật lý
 - Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 70% điểm trắc nghiệm khách quan, 30% điểm tự luận.
 - Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.
- d. Môn Hóa học
 - Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 70% điểm trắc nghiệm khách quan, 30% điểm tự luận.
 - Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.
- e. Môn Sinh học
 - Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 70% điểm trắc nghiệm khách quan, 30% điểm tự luận.
 - Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%
- f. Môn Lịch sử
 - Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 60% điểm trắc nghiệm khách quan, 40% điểm tự luận.
 - Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.

g. Môn Địa lý

- Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 40% điểm trắc nghiệm khách quan, 60% điểm tự luận.
- Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.

h. Môn GDCD, GDKT-PL

- Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 40% điểm trắc nghiệm khách quan, 60% điểm tự luận.
- Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.

i. Môn Công nghệ

- Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 70% điểm trắc nghiệm khách quan, 30% điểm tự luận.
- Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.

j. Môn Tin học

- Đối với khối 10, 11: theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận; với tỷ lệ: 70% điểm trắc nghiệm khách quan, 30% điểm tự luận.
- Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%.

k. Môn Tiếng Anh

- Đối với khối 10,11: theo hình thức Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận, thời gian làm bài 60 phút; trong đó trắc nghiệm 75% (Listening: 25% ; Language 25%; Reading 25 %) và Tự luận 25% (Writing: 25%); Kiểm tra kĩ năng Nghe lồng ghép trong bài kiểm tra viết tập trung; thời gian nghe và làm bài 15 phút.
- Đối với khối 12: theo hình thức trắc nghiệm khách quan 100%

3. Danh sách học sinh: Được bố trí theo thứ tự A, B, C.....

4. Về công tác ra đề kiểm tra

Các Tổ/nhóm chuyên môn ra đề theo yêu cầu:

+ Kiểm tra những kiến thức cơ bản, khả năng vận dụng và kỹ năng thực hành của học sinh trong phạm vi môn học; đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

+ Tổ, nhóm chuyên môn cần thống nhất ma trận, nội dung đề kiểm tra. Yêu cầu đề kiểm tra đảm bảo tính chính xác, nằm trong chuẩn kiến thức, kỹ năng và không có các nội dung trong phần đã được điều chỉnh, giảm tải. Đề kiểm tra theo hướng đánh giá năng lực học sinh ở cả 4 mức độ nhận biết (40%), thông hiểu (30%) vận dụng (20%), vận dụng cao (10%) đáp ứng yêu cầu cơ bản và nâng cao, đảm bảo phân hóa trình độ học sinh. Nội dung đề kiểm tra cần bao quát, tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

+ Nội dung đề kiểm tra phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, thể hiện đúng mức độ yêu cầu về kiến thức và kỹ năng được xác định trong chương trình

và sách giáo khoa của mỗi môn học.

5. Thời gian làm bài

Môn Toán và môn Ngữ văn 90 phút, môn Tiếng Anh (đối với khối 10, 11 thời gian 60 phút; khối 12 thời gian 45 phút), các môn còn lại 45 phút.

6. Cấu trúc đề kiểm tra

- Các tổ chuyên môn họp tổ/nhóm bộ môn để phân tích ma trận, ma trận đặc tả chi tiết, đề; phân công giáo viên ra đề và giáo viên phản biện, ghi vào sổ biên bản họp tổ/nhóm.

- Giáo viên biên soạn đề kiểm tra theo đúng hướng dẫn về đổi mới kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc điểm bộ môn và phù hợp với đối tượng học sinh. Đối với môn tiếng Anh, tham khảo thêm mẫu đề mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với khối 12 để tạo điều kiện cho học sinh làm quen với kỳ thi TN THPT, nên đề thi các môn thống nhất số câu: Toán 50 câu; Tiếng Anh 40 câu.

7. Thời gian nộp ma trận, ma trận đặc tả, đề, đáp án

- Đối với môn kiểm tra chung, **nộp ma trận và ma trận đặc tả trước ngày 06/5/2024**. Để BGH đưa lên trang web nhà trường cho học sinh ôn tập.

- Đối với môn kiểm tra chung, **nộp đề trước ngày 10/5/2024**. Đối với môn không kiểm tra chung, nộp sau khi đã hoàn thành kiểm tra giữa kỳ (tuần 35).

- Nộp file mềm theo địa chỉ email: thptvonguyengiapidaklak@gmail.com; hoặc Zalo cho thầy Võ Minh Ngoan.

- Đề và hướng dẫn chấm được soạn thảo trên phần mềm Microsoft Word, font Times New Roman, size 14, top 1 cm, bottom 1 cm, left 1,7 cm, right 1,5 cm. (đối với đề các môn Toán; Lý; Hóa; Sinh...mà có sử dụng ký tự trong phần mềm MathType thì các ký tự này nên để ở size 14)

- Mỗi môn của mỗi khối phải ra 02 đề độc lập mức độ tương đương nhau.

- Môn ngữ văn khối 10, 11, 12 có 1 mã đề; các môn Toán, Lịch sử, Tiếng Anh của khối 10, 11 có 04 mã đề (hoán đổi phần trắc nghiệm, giống nhau ở phần tự luận), môn Toán, Tiếng Anh của khối 12 có 24 mã đề (giống như thi TN THPT). Thống nhất đặt tên mã đề là:

+ Khối 10: 101; 102; 103; 104.

+ Khối 11: 111; 112; 113; 114.

+ Khối 12: 201; 202; 203; 204,....210, 211223, 224.

8. Lịch kiểm tra và form đề, đáp án (xem phụ lục 1, 2, 3 và 4)

Học sinh và giám thị coi kiểm tra có mặt tại trường: Buổi sáng trước 07h15 vào các ngày kiểm tra, buổi chiều trước 13h15 vào các ngày kiểm tra.

9. Thời gian hoàn thành chấm bài, nhập điểm và phúc khảo

- Đối với các môn không kiểm tra theo đề chung thì giáo viên bộ môn nhập điểm vào phần mềm Smas, **hoàn thành trước ngày 20/5/2024**.

- Đối với các môn kiểm tra tập trung theo đề chung thì giáo viên bộ môn chấm bài và nhập điểm vào phần mềm Smas, **hoàn thành trước ngày 23/5/2024.**

- Sau khi chấm và nhập điểm vào phần mềm, giáo viên bộ môn nộp bài và phiếu điểm về cho thầy Võ Minh Ngoan **vào ngày 23/5/2024,** để lưu trữ và phúc khảo cho học sinh.

- Thời gian học sinh nộp đơn phúc khảo bắt đầu **từ ngày 23/5/2024 đến 17h ngày 23/5/2024.** Đơn phúc khảo nộp theo đơn vị lớp, có xác nhận của GVCN.

- Giáo viên chủ nhiệm hoàn thành việc đánh giá xếp loại học sinh về học tập và rèn luyện **trước 17h 00 ngày 27/5/2024.**

10. Một số lưu ý

- Đối với những môn không kiểm tra theo đề chung của trường thì Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm về nội dung đề và các thành viên trong tổ thống nhất số mã đề kiểm cho phù hợp.

- Đối với môn không kiểm tra theo đề chung thì giáo viên bộ môn chủ động kiểm tra cuối kỳ II vào tuần 34, tuy nhiên phải thống nhất theo ma trận chung của tổ, đảm bảo được tính chính xác, công bằng, khác quan có tính giáo dục, phản ánh được sự tiến bộ của học sinh.

- Giáo viên bộ môn tuyệt đối không được tự ý cắt xén nội dung chương trình, nếu chưa dạy kịp tiến độ nội dung chương trình thì báo với Ban giám hiệu nhà trường để bố trí thời gian dạy bù, đảm bảo đúng, đủ thời gian, thời lượng theo quy định.

- Học sinh vắng kiểm tra phải có lý do chính đáng (xin phép thông qua giáo viên chủ nhiệm), giáo viên chủ nhiệm báo lại với thư ký nhà trường để tổng hợp. Những học sinh vắng có lý do chính đáng, nhà trường sẽ tổ chức một kỳ kiểm tra bổ sung riêng. Nếu học sinh vắng không có lý do chính đáng thì điểm cuối kỳ của môn đó là 0 (không) điểm.

11. Công tác coi kiểm tra (coi thi)

- Cán bộ coi kiểm tra do ốm đau đột xuất hoặc muốn thay đổi buổi coi kiểm tra với người khác thì báo cáo trực tiếp về Thầy Nguyễn Tiến Dũng để có hướng xử lý. Những trường hợp vắng coi thi sẽ được bổ sung coi thi vào dịp khác để đảm bảo tính công bằng.

- Nghiêm túc thực hiện đúng quy chế, không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc coi thi; nhắc nhở học sinh chỉ được mang vào phòng thi các vật dụng làm bài theo quy định; học sinh vi phạm quy chế phải lập biên bản, thu tang vật. Thực hiện đúng nghiệp vụ coi thi, quy trình về phát đề và thu bài thi, đặc biệt đối với những môn thi trắc nghiệm.

12. Công tác ôn tập, phụ đạo

Các tổ chuyên môn tiến hành sinh hoạt, thống nhất nội dung chương trình kiểm tra đánh giá, biên soạn và phổ biến ma trận, ma trận đặc tả, đề cương ôn tập cho học sinh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các Tổ trưởng, Tổ phó, Nhóm chuyên môn có trách nhiệm triển khai đến toàn thể giáo viên bộ môn. Thực hiện tốt khâu phân tích phản biện, góp ý đề, đề cương ôn tập cho học sinh, thông báo lịch, hình thức kiểm tra cho học sinh biết để chủ động ôn tập.

- Tổ văn phòng, Thư ký nhà trường chuẩn bị đầy đủ các văn phòng phẩm phục vụ cho đợt kiểm tra cuối kỳ theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì liên hệ với BGH nhà trường hoặc trực tiếp với thầy Võ Minh Ngoan để được giải đáp.

- Trên đây là Kế hoạch của trường THPT Võ Nguyên Giáp về việc tổ chức kiểm tra đánh giá cuối học kỳ II năm học 2023-2024; đề nghị Tổ trưởng/Nhóm trưởng chuyên môn và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và đào tạo(báo cáo);
- Ban giám hiệu (chỉ đạo);
- TTCM; TTVP; GV (thực hiện);
- Đăng website trường;
- Lưu VT, hồ sơ chuyên môn.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Võ Minh Ngoan

Phụ lục 1**LỊCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024****Lịch kiểm tra khối: 10**

Ngày kiểm tra	Buổi	Môn	Thời gian kiểm tra	Giờ phát đề	Giờ bắt đầu làm bài	Hết giờ làm bài	Hình thức
Thứ 6 17/5/2024	Chiều	Ngữ văn	90 phút	13h 40'	13h 45'	15h 15'	Tự luận
		Tiếng Anh	60 phút	15h 40'	15h 45'	16h 45'	TL+TNKQ
Thứ 7 18/5/2024	Chiều	Toán	90 phút	13h 40'	13h 45'	15h 15'	TL+TNKQ
		Lịch sử	45 phút	15h 40'	15h 45'	16h 30'	TL+TNKQ

Lịch kiểm tra khối: 11

Ngày kiểm tra	Buổi	Môn	Thời gian kiểm tra	Giờ phát đề	Giờ bắt đầu làm bài	Hết giờ làm bài	Hình thức
Thứ 6 17/5/2024	Sáng	Ngữ văn	90 phút	07h 35'	07h 40'	09h 10'	Tự luận
		Tiếng Anh	60 phút	09h 45'	09h 50'	10h 50'	TL+TNKQ
Thứ 7 18/5/2024	Sáng	Toán	90 phút	07h 35'	07h 45'	09h 15'	TL+TNKQ
		Lịch sử	45 phút	09h 45'	09h 50'	10h 35'	TL+TNKQ

Lịch kiểm tra khối: 12

Ngày kiểm tra	Buổi	Môn	Thời gian kiểm tra	Giờ phát đề	Giờ bắt đầu làm bài	Hết giờ làm bài	Hình thức
Thứ 6 17/5/2024	Sáng	Ngữ văn	90 phút	07h 35'	07h 40'	09h 10'	Tự luận
Thứ 7 18/5/2024	Sáng	Toán	90 phút	07h 35'	07h 45'	09h 15'	TNKQ
		Tiếng Anh	45 phút	09h 45'	09h 50'	10h 35'	TNKQ

Phụ lục 2

Học sinh làm bài trên giấy làm bài riêng

TRƯỜNG THPT VÕ NGUYỄN GIÁP

TỔ:.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: Khối

(Thời gian làm bài: không kể thời gian phát đề)

Đề chính thức

Họ và tên học sinh:.....Lớp:.....SBD:.....

NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1.

Câu 2.

...

.....**HẾT**.....

Phụ lục 3

Học sinh làm bài trên đề

TRƯỜNG THPT VÕ NGUYỄN GIÁP

TỔ:.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**NĂM HỌC 2023 - 2024****Môn: Khối***(Thời gian làm bài: không kể thời gian phát đề)*

Mã đề:.....

Họ và tên học sinh:.....Lớp:.....SBD:.....

Chữ ký giám thị	Chữ ký giám khảo	Điểm

NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1.**Câu 2.**

...

.....HẾT.....

Phụ lục 4

Mẫu đáp án

TRƯỜNG THPT VÕ NGUYỄN GIÁP

TỔ:.....

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: Khối

(Thời gian làm bài: không kể thời gian phát đề)

Nội dung ĐÁP ÁN (Chi tiết đến 0,25 điểm đối với môn tự luận)

.....Hết.....

SỐ CỘT ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
(học kỳ 2, năm học 2023-2024)

Số cột điểm (số điểm kiểm tra thường xuyên) Trích Điều 8 thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với khối 12 và Trích Điều 6 thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với khối 10, 11.

Học kỳ 2

Khối 10 (thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Môn học	Số tiết/ tuần	Số điểm đánh giá thường xuyên	Ghi chú
1	Toán	3	5	Cụm CĐ
2	Vật lý	2	4	Cụm CĐ
3	Hóa học	2	4	Cụm CĐ
4	Sinh học	2	3	
5	Công nghệ NN	2	3	
6	Ngữ văn	3	5	Cụm CĐ
7	Tiếng Anh	3	4	
8	Lịch sử	2	4	Cụm CĐ
9	Địa lý	2	4	Cụm CĐ
10	GDKT – PL	2	3	
11	Tin học	2	3	
12	GDTC	2	2	Đánh giá nhận xét
13	GDQP-AN	1	2	
14	GDĐP	1	2	Đánh giá nhận xét
15	HĐTN-HN	3	2	Đánh giá nhận xét

Lưu ý:

- Cụm chuyên đề: Toán, Vật lý, Hóa học: gồm các lớp 10A6; 10A7.
- Đối với môn Vật lý, Hóa học ở học kỳ 2, các lớp 10A6, 10A7 số cột điểm thường xuyên 04.

- Cụm chuyên đề: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý: gồm các lớp 10A1; 10A2; 10A3;10A4; 10A5.
- Đối với môn Lịch sử ở học kỳ 2, các lớp 10A6, 10A7 số cột điểm thường xuyên 03.
- Đối với môn Lịch sử ở học kỳ 2, các lớp 10A1, 10A2, 10A3, 10A4,10A5 số cột điểm thường xuyên 04.
- Đối với môn Ngữ văn ở học kỳ 2, các lớp 10A6, 10A7, số cột điểm thường xuyên 04.
- Đối với môn Ngữ văn ở học kỳ 2, các lớp 10A1, 10A2, 10A3, 10A4,10A5, số cột điểm thường xuyên 05.
- Đối với môn Toán ở học kỳ 2, các lớp 10A6, 10A7, số cột điểm thường xuyên 05.
- Đối với môn Toán ở học kỳ 2, các lớp 10A1, 10A2, 10A3, 10A4,10A5, số cột điểm thường xuyên 04.

Khối 11 (thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Môn học	Số tiết/ tuần	Số điểm đánh giá thường xuyên	Ghi chú
1	Toán	3	5	Cụm CĐ
2	Vật lý	2	4	Cụm CĐ
3	Hóa học	2	4	Cụm CĐ
4	Sinh học	2	3	
5	Cộng nghệ NN	2	3	
6	Ngữ văn	3	5	Cụm CĐ
7	Tiếng Anh	3	4	
8	Lịch sử	2	4	Cụm CĐ
9	Địa lý	2	4	Cụm CĐ
10	GDKT – PL	2	3	
11	Tin học	1	3	
12	GDTC	2	2	Đánh giá nhận xét
13	GDQP-AN	1	2	
14	GDDP	2	2	Đánh giá nhận xét
15	HĐTN-HN	3	2	Đánh giá nhận xét

Lưu ý:

- Cụm chuyên đề: Toán, Vật lý, Hóa học gồm các lớp 11C5; 11C6.

- Đối với môn Vật lý, Hóa học ở học kỳ 2, các lớp 11C5, 11C6 số cột điểm thường xuyên 04.
- Cụm chuyên đề: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý gồm các lớp 11C1; 11C2; 11C3;11C4.
- Đối với môn Lịch sử ở học kỳ 2, các lớp 11C5, 11C6 số cột điểm thường xuyên 03.
- Đối với môn Lịch sử ở học kỳ 2, các lớp 11C1, 11C2, 11C3, 11C4 số cột điểm thường xuyên 04.
- Đối với môn Ngữ văn ở học kỳ 2, các lớp 11C5, 11C6 số cột điểm thường xuyên 04.
- Đối với môn Ngữ văn ở học kỳ 2, các lớp 11C1, 11C2, 11C3, 11C4 số cột điểm thường xuyên 05.
- Đối với môn Toán ở học kỳ 2, các lớp 11C5, 11C6 số cột điểm thường xuyên 05.
- Đối với môn Toán ở học kỳ 2, các lớp 11C1, 11C2, 11C3, 11C4 số cột điểm thường xuyên 04.

Khối 12 (thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Môn học	Khối 12		Ghi chú
		Số tiết/ tuần	Số điểm đánh giá thường xuyên	
1	Toán	4	4	
2	Vật lý	2	3	
3	Hóa học	2	3	
4	Sinh học	2	3	
5	Cộng nghệ CN	1	2	
6	Ngữ văn	3	4	
7	Tiếng Anh	3	4	
8	Lịch sử	1	3	
9	Địa lý	2	3	
10	GDCD	1	2	
11	Tin học	1	3	
12	GDTC	2	3	Đánh giá nhận xét
13	GDQP-AN	1	2	

Lưu ý: - Khối 12: môn học tự chọn: Toán.